

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20/5/2021

V/v tranh chấp: "Ly hôn và
nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Hùng Phước

2/ Ông Nguyễn Ngọc Giang

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Văn Cum Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền tham gia phiên tòa:* Ông Lưu Minh Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 13/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/QĐST-NH ngày 29/4/2021 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* ông Lê Minh T, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ. Có mặt

2/ *Bị đơn:* bà Nguyễn Châu Ngọc H, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/9/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lê Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Nguyễn Châu Ngọc H tự nguyện chung sống vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ ngày 23/5/2011. Thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, vợ chồng không còn tình cảm. Xét thấy cuộc sống không hạnh phúc, không thể chung sống với nhau được nữa nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Châu Ngọc H.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Thị Hồng N (nữ), sinh ngày 15/7/2012. Ông T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Đối với bà Nguyễn Châu Ngọc H từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay luôn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

* Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án đúng quy định pháp luật, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Ông Lê Minh T và bà Nguyễn Châu Ngọc H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ ngày 23/5/2011 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Ông T có đơn khởi kiện đối với bà H về việc yêu cầu được ly hôn và yêu cầu nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn và nuôi con”. Bà H có nơi cư trú tại ấp A, xã B, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ. Do đó, theo quy định khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bà H không nhận giấy. Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án để bà H đến tham dự các phiên họp và hòa giải vào ngày 13/4/2021 bà H vắng mặt và ông T yêu cầu không tiến hành hòa giải nên vụ án không hòa giải được. Tòa án đã đưa vụ kiện ra xét xử ngày 29/4/2021 nhưng bà H vắng mặt, tại phiên tòa hôm nay bà H vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà H.

[3] *Xét về yêu cầu của nguyên đơn:*

Do bà Hân vắng mặt không thể hiện ý kiến nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của ông T và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Xét thấy ông T và bà H có thời gian dài chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống hàng ngày, tình trạng ngày càng trầm trọng không thể hòa giải được. Ông T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, bà H luôn vắng mặt không thể hiện ý kiến điều này cho thấy bà Hân không muốn duy trì cuộc sống hôn nhân này. Xét, mâu thuẫn giữa ông bà đã thực sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Thị Hồng N (nữ), sinh ngày 15/7/2012. Ông T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cháu N đang sống với ông T và có nguyện vọng muốn sống bên nội nên giao con cho ông T là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung ông T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* ông Trung phải chịu 300.000 đồng theo quy định.

[5] *Về quyền kháng cáo của các đương sự:* được thực hiện theo quy định tại 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 56, Điều 57, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Minh Tr đối với bà Nguyễn Châu Ngọc H.

2/ Về con chung: giao cháu Lê Thị Hồng N (nữ), sinh ngày 15/7/2012 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà H không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông Lê Minh T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 017952 ngày 25/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền. Ông T đã nộp xong án phí.

5/ Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

6/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- THA H. Phong Điền;
- UBND xã B, H. Phong Điền, TP. Cần Thơ;
- Lưu HS (2)/.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phi Long